

Bản án số: 48/2024/DS-ST
Ngày: 04 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tân.

Ông Đỗ Huy Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-DS ngày 07/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm Vĩnh B, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị B** (*Lê Thị Kim B*), sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Long B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Long B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2018 ông có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị Kim B làm chủ hụi, ông tham gia 02 dây hụi cụ thể như sau:

Dây hụi 01: Khai ngày 25/01/2018, dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mùa, mỗi năm khai hai lần, dây hụi có 12 phần, ông tham gia 01 phần, hiện dây hụi này đã mãn vào năm 2022. Dây hụi khai đến kỳ thứ 11 thì bà Kim B đã tự ý ngưng hụi.

Dây hụi 02: Khai ngày 25/01/2020, dây hụi 5.000.000 đồng, hụi mùa, mỗi năm khai hai lần, dây hụi có 12 phần, ông tham gia 01 phần. Dây hụi này hiện bà Kim B đã tự ý ngưng khai hụi.

Sau khi ngưng khai hụi thì ông có gặp bà B để yêu cầu trả tiền hụi cho ông. Khi đó hai bên tính toán lại thì bà B còn thiếu tiền hụi ông tổng cộng của 02 dây hụi là 86.340.000 đồng. Sau đó, thì bà B đã trả cho ông được số tiền là 5.000.000 đồng và ngưng không trả cho đến nay. Ông nhiều lần yêu cầu bà B trả tiền hụi còn thiếu nhưng bà B vẫn không trả. Việc bà B thiếu tiền hụi ông thì chồng bà B là ông Huỳnh Văn T biết.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim B và ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền hụi còn nợ là 81.340.000 đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị B trình bày:

Bà thừa nhận ông Nguyễn Văn T có tham gia chơi 02 dây hụi do bà làm chủ hụi, hiện các dây hụi này ngưng khai nửa chừng. Sau khi ngưng khai thì giữa bà với ông T có thỏa thuận tiền hụi với nhau. Theo thỏa thuận thì bà còn thiếu ông T tổng số tiền là 81.340.000 đồng. Việc bà làm chủ hụi thì chồng bà là ông Huỳnh Văn T không biết nhưng chồng bà vẫn đồng ý cùng với bà trả tiền hụi cho ông T.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc bà và chồng bà là ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới trả tiền hụi thì bà đồng ý. Nhưng hiện do hoàn cảnh gia đình của bà gặp nhiều khó khăn, bà cũng thiếu nhiều người nên bà xin trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ: ấp Mỹ H, xã Long B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp

luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hụi còn nợ là 81.340.000 đồng. Bị đơn cũng thừa nhận hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 81.340.000 đồng. Xét thấy, đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn xin trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn và còn thiếu nhiều người, nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền hụi còn nợ 81.340.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn trả số tiền nợ hụi. Xét thấy, giữa bị đơn với ông Huỳnh Văn T là vợ chồng và nghĩa vụ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ngoài ra, theo bị đơn thì ông Huỳnh Văn T biết việc bị đơn có nợ tiền hụi của nguyên đơn và đồng ý cùng với bị đơn trả số tiền này. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới cùng với bị đơn trả số tiền nợ hụi là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí) nên HĐXX xem xét miễn án phí cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn bà Lê Thị B (Lê Thị Kim B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền hụi còn nợ là 81.340.000 đồng (*tám mươi một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Lê Thị B (Lê Thị Kim B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T được miễn không phải chịu.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn ông T đã nộp 2.033.500 đồng (*hai triệu không trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002602 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn